

(Đề thi gồm 4 trang)

Mã đề thi 132

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh: .....

**Câu 1:** Dòng điện xoay chiều có cường độ  $i = 3\cos(100\pi t - \pi/2)$  (A), chạy trên một dây dẫn. Trong thời gian 1s số lần cường độ dòng điện có độ lớn bằng 2,8 A là

- A. 200.                      B. 50.                      C. 400.                      D. 100.

**Câu 2:** Một mạch dao động điện từ LC lý tưởng đang dao động với điện tích cực đại trên một bản cực của tụ điện là  $Q_0$ . Cứ sau những khoảng thời gian bằng nhau và bằng  $10^{-6}$  s thì năng lượng từ trường lại bằng  $\frac{Q_0^2}{4C}$ .

Tần số của mạch dao động là

- A.  $2,5 \cdot 10^7$  Hz.                      B.  $10^6$  Hz.                      C.  $2,5 \cdot 10^5$  Hz.                      D.  $10^5$  Hz.

**Câu 3:** Một con lắc lò xo chiều dài tự nhiên  $\ell_0$ , treo thẳng đứng, vật treo khối lượng  $m_0$ , treo gần một con lắc đơn chiều dài dây treo  $\ell$ , khối lượng vật treo  $m$ . Với con lắc lò xo, tại vị trí cân bằng lò xo giãn  $\Delta\ell_0$ . Để hai con lắc có chu kỳ dao động điều hòa như nhau thì

- A.  $\ell = 2\Delta\ell_0$ .                      B.  $\ell = \ell_0$ .                      C.  $\ell = \Delta\ell_0$ .                      D.  $m = m_0$ .

**Câu 4:** Người ta xây dựng đường dây tải điện 500 kV để truyền tải điện năng nhằm mục đích

- A. giảm hao phí khi truyền tải.                      B. tăng công suất nhà máy điện.  
C. tăng hệ số công suất nơi tiêu thụ.                      D. tăng dòng điện trên dây tải.

**Câu 5:** Một vật dao động điều hòa với biên độ A và tốc độ cực đại  $v_{\max}$ . Chu kỳ dao động của vật là

- A.  $\frac{\pi A}{v_{\max}}$ .                      B.  $\frac{v_{\max}}{\pi A}$ .                      C.  $\frac{v_{\max}}{2\pi A}$ .                      D.  $\frac{2\pi A}{v_{\max}}$ .

**Câu 6:** Khoảng vân trong thí nghiệm giao thoa Y-âng xác định theo công thức

- A.  $i = \lambda a/2D$ .                      B.  $i = \lambda D/2a$ .                      C.  $i = \lambda a/D$ .                      D.  $i = \lambda D/a$ .

**Câu 7:** Người ta thực hiện một sóng dừng trên một sợi dây dài 1,2 m, tần số sóng trên dây là  $f = 10$  Hz, vận tốc truyền sóng là  $v = 4$  m/s. Tại hai đầu dây là hai nút sóng. Số bụng sóng trên dây là

- A. 6.                      B. 5.                      C. 4.                      D. 7.

**Câu 8:** Trong dao động điều hòa, khoảng thời gian ngắn nhất để trạng thái dao động của vật lặp lại như cũ được gọi là

- A. tần số góc của dao động.                      B. pha ban đầu của dao động.  
C. tần số dao động.                      D. chu kỳ dao động.

**Câu 9:** Một con lắc lò xo đặt trên mặt phẳng nằm ngang nhẵn gồm lò xo nhẹ có độ cứng 80 N/m, vật nhỏ khối lượng 200 g. Con lắc dao động điều hòa tự do, trong một chu kỳ dao động, thời gian lò xo giãn là

- A.  $\pi/30$  (s).                      B.  $\pi/20$  (s).                      C.  $\pi/40$  (s).                      D.  $\pi/10$  (s).

**Câu 10:** Sóng điện từ dùng để liên lạc giữa các điện thoại di động là

- A. sóng cực ngắn.                      B. sóng trung.                      C. sóng dài.                      D. sóng ngắn.

**Câu 11:** Đặt điện áp  $u = U_0 \cos \omega t$  vào hai đầu cuộn cảm thuần có độ tự cảm L thì cường độ dòng điện tức thời qua cuộn cảm là

- A.  $i = \frac{U_0}{\sqrt{2}\omega L} \cos(\omega t - \pi/2)$ .                      B.  $i = \frac{U_0}{\omega L} \cos(\omega t + \pi/2)$ .  
C.  $i = \frac{U_0}{\sqrt{2}\omega L} \cos(\omega t + \pi/2)$ .                      D.  $i = \frac{U_0}{\omega L} \cos(\omega t - \pi/2)$ .

**Câu 12:** Phương trình của một dao động điều hòa có dạng  $x = -A \cos \omega t$ . Pha ban đầu của dao động là

- A.  $\varphi = 0$ .                      B.  $\varphi = \pi$ .                      C.  $\varphi = \pi/2$ .                      D.  $\varphi = \pi/4$ .

**Câu 13:** Biết gia tốc cực đại và vận tốc cực đại của một dao động điều hòa là  $a_0$  và  $v_0$ . Biên độ dao động được xác định

- A.  $A = a_0^2 / v_0$ .      B.  $A = a_0^2 / v_0^2$ .      C.  $A = v_0^2 / a_0$ .      D.  $A = a_0 / v_0$ .

**Câu 14:** Trong hiện tượng giao thoa sóng trên mặt nước, khoảng cách giữa hai điểm dao động với biên độ cực đại liên tiếp nằm trên đường nối hai nguồn phát sóng bằng

- A. một nửa bước sóng.      B. hai lần bước sóng.  
C. một phần tư bước sóng.      D. một bước sóng.

**Câu 15:** Một vật dao động cưỡng bức dưới tác dụng của ngoại lực  $F = F_0 \cos(0,5\pi ft)$  (với  $F_0$  và  $f$  không đổi,  $t$  tính bằng s). Tần số của dao động cưỡng bức của vật là

- A.  $f$ .      B.  $0,25f$ .      C.  $0,5f$ .      D.  $0,5\pi f$ .

**Câu 16:** Khi có một dòng điện xoay chiều chạy qua một đoạn mạch gồm điện trở thuần nối tiếp với tụ điện, lúc đó dung kháng của tụ  $Z_C = 40 \Omega$  và hệ số công suất của đoạn mạch bằng 0,6. Giá trị của  $R$  bằng

- A.  $50 \Omega$ .      B.  $40 \Omega$ .      C.  $30 \Omega$ .      D.  $20 \Omega$ .

**Câu 17:** Dòng điện tức thời luôn trễ pha so với điện áp xoay chiều ở hai đầu một đoạn mạch khi đoạn mạch đó

- A. gồm cuộn cảm mắc nối tiếp tụ điện.  
B. gồm điện trở thuần mắc nối tiếp tụ điện.  
C. chỉ có tụ điện.  
D. gồm điện trở thuần mắc nối tiếp cuộn cảm.

**Câu 18:** Phương trình dao động của một nguồn phát sóng có dạng  $u = a \cos(20t)$ . Trong khoảng thời gian 0,225 s, sóng truyền được quãng đường xấp xỉ

- A. 0,1125 lần bước sóng.      B. 0,0225 lần bước sóng.  
C. 0,716 lần bước sóng.      D. 4,5 lần bước sóng.

**Câu 19:** Đặt điện áp  $u = 120\sqrt{2} \cos(100\pi t - \pi/4)$  (V) vào hai đầu một đoạn mạch thì cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch là  $i = 3\sqrt{2} \cos(100\pi t + \varphi_1)$  (A). Công suất tiêu thụ của đoạn mạch bằng 360 W. Giá trị của  $\varphi_1$  bằng

- A.  $\pi/4$ .      B.  $-\pi/4$ .      C.  $-\pi/2$ .      D.  $\pi/2$ .

**Câu 20:** Trong mạch dao động LC tự do có cường độ dòng điện cực đại là  $I_0$ . Tại một thời điểm nào đó khi dòng điện trong mạch có cường độ là  $i$ , hiệu điện thế hai đầu tụ điện là  $u$  thì ta có quan hệ

- A.  $I_0^2 - i^2 = Lu^2 / C$ .      B.  $I_0^2 - i^2 = Cu^2 / L$ .      C.  $I_0^2 - i^2 = LCu^2$ .      D.  $I_0^2 - i^2 = u^2 / LC$ .

**Câu 21:** Đặt điện áp  $u = U_0 \cos(\omega t + \varphi)$  ( $U_0$  không đổi, tần số góc  $\omega$  thay đổi được) vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần, cuộn cảm thuần và tụ điện mắc nối tiếp. Điều chỉnh  $\omega$  sao cho mạch luôn có tính dung kháng. Khi  $\omega = \omega_1$  và  $\omega = \omega_2$  (với  $\omega_2 > \omega_1$ ) thì cường độ dòng điện hiệu dụng và hệ số công suất của đoạn mạch lần lượt là  $I_1, k_1$  và  $I_2, k_2$ . Khi đó ta có

- A.  $I_2 > I_1$  và  $k_2 > k_1$ .      B.  $I_2 > I_1$  và  $k_2 < k_1$ .      C.  $I_2 < I_1$  và  $k_2 < k_1$ .      D.  $I_2 < I_1$  và  $k_2 > k_1$ .

**Câu 22:** Véc tơ cường độ điện trường của sóng điện từ ở tại điểm M có hướng thẳng đứng từ trên xuống, véc tơ cảm ứng từ của nó nằm ngang và hướng từ Tây sang Đông. Hỏi sóng này đến điểm M từ hướng nào?

- A. Từ phía Tây.      B. Từ phía Nam.      C. Từ phía Bắc.      D. Từ phía Đông.

**Câu 23:** Cho một tia sáng tạp sắc cấu tạo bởi bốn thành phần đơn sắc: vàng, lam, lục và tím truyền nghiêng góc với mặt phân cách từ nước ra không khí. Sắp xếp theo thứ tự góc khúc xạ tăng dần của các tia sáng đơn sắc. Thứ tự đúng là

- A. vàng, lam, lục, tím.      B. vàng, lục, lam, tím.  
C. tím, lục, lam, vàng.      D. tím, lam, lục, vàng.

**Câu 24:** Một vật dao động điều hòa trong thời gian 2 s thực hiện 4 dao động toàn phần và tốc độ trung bình trong thời gian đó là 32 cm/s. Góc thời gian là lúc vật có li độ  $x = 4$  cm. Phương trình dao động của vật là

- A.  $x = 4 \cos(4\pi t)$  (cm).      B.  $x = 2 \cos(4\pi t - \pi/3)$  (cm).  
C.  $x = 4 \cos(4\pi t + \pi)$  (cm).      D.  $x = 2 \cos(4\pi t)$  (cm).

**Câu 25:** Thực hiện thí nghiệm giao thoa ánh sáng bằng khe Y-âng với ánh sáng đơn sắc có bước sóng  $\lambda$ . Khoảng giữa 5 vân sáng liên tiếp là 3,2 mm. Trong khoảng giữa hai điểm M, N trên màn và ở hai bên so với vân trung tâm, cách vân trung tâm lần lượt là 6 mm và 9 mm có số vân sáng là

- A. 17 vân.      B. 20 vân.      C. 18 vân.      D. 19 vân.

**Câu 26:** Một sóng ngang truyền trên sợi dây rất dài với tốc độ truyền sóng là  $4 \text{ m/s}$  và tần số sóng có giá trị từ  $41 \text{ Hz}$  đến  $69 \text{ Hz}$ . Biết hai phần tử tại hai điểm trên dây cách nhau  $25 \text{ cm}$  luôn dao động ngược pha nhau. Tần số sóng trên dây là

- A.  $64 \text{ Hz}$ .                      B.  $48 \text{ Hz}$ .                      C.  $56 \text{ Hz}$ .                      D.  $52 \text{ Hz}$ .

**Câu 27:** Cho đoạn mạch RLC nối tiếp có  $R = 50 \Omega$ . Đặt vào hai đầu đoạn mạch một hiệu điện thế xoay chiều  $u = 100\sqrt{2} \cos \omega t \text{ (V)}$ . Khi đó điện áp tức thời giữa hai bản tụ và điện áp tức thời giữa hai đầu mạch lệch pha một góc  $\pi/6$ . Công suất tiêu thụ của mạch là

- A.  $50 \text{ W}$ .                      B.  $100 \text{ W}$ .                      C.  $50\sqrt{3} \text{ W}$ .                      D.  $100\sqrt{3} \text{ W}$ .

**Câu 28:** Một chất điểm tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương cùng tần số. Biết dao động thành phần thứ nhất có biên độ  $A_1 = 4\sqrt{3} \text{ cm}$ , dao động tổng hợp có biên độ  $A = 4 \text{ cm}$ . Dao động thành phần thứ hai sớm pha hơn dao động tổng hợp là  $\pi/3$ . Dao động thành phần thứ hai có biên độ  $A_2$  là

- A.  $4\sqrt{3} \text{ cm}$ .                      B.  $6\sqrt{3} \text{ cm}$ .                      C.  $4 \text{ cm}$ .                      D.  $8 \text{ cm}$ .

**Câu 29:** Biểu thức điện tích trên một bản tụ điện của mạch dao động điện từ LC có dạng  $q = q_0 \cos(\omega t - \pi/6) \text{ (C)}$ . Sau  $5/24$  chu kỳ dao động kể từ thời điểm ban đầu  $t=0$  thì tỉ số giữa năng lượng điện trường và năng lượng từ trường là

- A.  $2$ .                      B.  $1$ .                      C.  $1/2$ .                      D.  $1/4$ .

**Câu 30:** Xét hai điểm M, N ở trong môi trường đàn hồi có sóng âm phát ra từ nguồn S truyền qua. Biết S, M, N thẳng hàng và  $SN = 2 SM$ . Ban đầu, mức cường độ âm tại M là  $L \text{ (dB)}$ . Nếu công suất của nguồn phát tăng lên 100 lần thì mức cường độ âm tại điểm N bằng

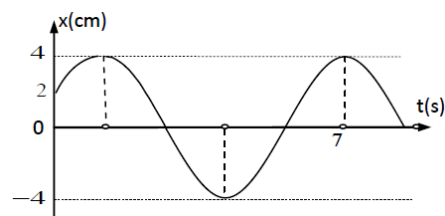
- A.  $L + 14 \text{ (dB)}$ .                      B.  $L - 14 \text{ (dB)}$ .                      C.  $L/2 \text{ (dB)}$ .                      D.  $L - 20 \text{ (dB)}$ .

**Câu 31:** Một dây dẫn dài  $10 \text{ m}$  bọc sơn cách điện, quấn thành khung dây hình chữ nhật phẳng (bỏ qua tiết diện của dây) có chiều dài  $20 \text{ cm}$ , chiều rộng  $5 \text{ cm}$ . Cho khung quay đều quanh một trục đối xứng trong một từ trường đều có véc tơ cảm ứng từ vuông góc với trục quay, có độ lớn  $B = 0,5 \text{ T}$ , với tốc độ  $10$  vòng/s. Độ lớn suất điện động cảm ứng cực đại xuất hiện trong khung bằng

- A.  $4\pi \text{ V}$ .                      B.  $2\pi \text{ V}$ .                      C.  $\sqrt{2}\pi \text{ V}$ .                      D.  $0,2\pi \text{ V}$ .

**Câu 32:** Đồ thị dao động của một chất điểm dao động điều hòa như hình vẽ. Phương trình biểu diễn sự phụ thuộc của vận tốc của vật theo thời gian là

- A.  $v = \frac{4\pi}{3} \cos\left(\frac{\pi}{3}t + \frac{\pi}{6}\right) \text{ (cm/s)}$ .                      B.  $v = \frac{4\pi}{3} \cos\left(\frac{\pi}{6}t + \frac{5\pi}{6}\right) \text{ (cm/s)}$ .  
 C.  $v = 4\pi \cos\left(\frac{\pi}{3}t + \frac{\pi}{3}\right) \text{ (cm/s)}$ .                      D.  $v = 4\pi \cos\left(\frac{\pi}{6}t + \frac{\pi}{3}\right) \text{ (cm/s)}$ .



**Câu 33:** Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng trắng bằng khe Y-âng, người ta dùng kính lọc sắc để chỉ cho ánh sáng từ màu lam đến màu cam đi qua hai khe (có bước sóng từ  $0,45 \mu\text{m}$  đến  $0,65 \mu\text{m}$ ). Biết  $S_1S_2 = a = 1 \text{ mm}$ , khoảng cách từ hai khe đến màn là  $D = 2 \text{ m}$ . Khoảng có bề rộng nhỏ nhất mà không có vân sáng nào quan sát được ở trên màn bằng

- A.  $0,9 \text{ mm}$ .                      B.  $0,2 \text{ mm}$ .                      C.  $0,5 \text{ mm}$ .                      D.  $0,1 \text{ mm}$ .

**Câu 34:** Một vật dao động điều hòa có phương trình  $x = A \cos(2\pi t - \pi/6)$  ( $t$  tính bằng s). Tính từ thời điểm ban đầu  $t = 0$ , khoảng thời gian vật qua vị trí cân bằng lần thứ 2017, theo chiều âm là

- A.  $\frac{6049}{3} \text{ s}$ .                      B.  $\frac{6052}{3} \text{ s}$ .                      C.  $2016 \text{ s}$ .                      D.  $2017 \text{ s}$ .

**Câu 35:** Trong thí nghiệm về giao thoa sóng trên mặt nước, hai nguồn kết hợp A và B, cách nhau một khoảng  $AB = 11 \text{ cm}$ , dao động cùng pha với tần số là  $16 \text{ Hz}$ . Tốc độ truyền sóng trên mặt nước là  $24 \text{ cm/s}$ . Trên đường thẳng vuông góc với AB tại B, khoảng cách lớn nhất giữa vị trí cân bằng trên mặt nước của hai phần tử dao động với biên độ cực đại xấp xỉ

- A.  $39,59 \text{ cm}$ .                      B.  $71,65 \text{ cm}$ .                      C.  $79,17 \text{ cm}$ .                      D.  $45,32 \text{ cm}$ .

**Câu 36:** Nối hai đầu một máy phát điện xoay chiều một pha (bỏ qua điện trở thuần của các cuộn dây máy phát) vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở R và cuộn cảm thuần. Khi rôto quay với tốc độ  $n$  vòng/phút thì công suất tiêu thụ của đoạn mạch là  $16 \text{ W}$ . Khi rôto quay với tốc độ  $2n$  vòng/phút thì công suất

tiêu thụ của đoạn mạch là 20 W. Khi rôto quay với tốc độ 3n vòng/phút thì công suất tiêu thụ của đoạn mạch xấp xỉ

- A. 17,33 W.                      B. 23,42 W.                      C. 20, 97 W.                      D. 21,76 W.

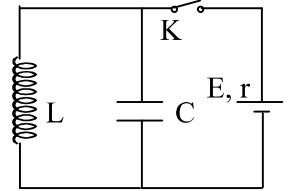
**Câu 37:** Một động cơ điện xoay chiều hoạt động bình thường với điện áp hiệu dụng 220V, hệ số công suất của động cơ là 0,8. Biết điện trở thuần của các cuộn dây của máy là 44 Ω. Công suất có ích của của động cơ là 77 W. Hiệu suất của động cơ là

- A. 80 %.                      B. 87,5 %.                      C. 92,5 %.                      D. 90 %.

**Câu 38:** Giữ nguyên điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng U không đổi ở hai đầu cuộn sơ cấp của một máy biến áp lí tưởng. Ban đầu điện áp hiệu dụng ở hai đầu cuộn thứ cấp để hở là 100 V. Bây giờ, nếu số vòng cuộn sơ cấp được giữ nguyên, số vòng cuộn thứ cấp giảm đi 100 vòng thì điện áp hiệu dụng ở hai đầu cuộn thứ cấp để hở là 90 V; còn nếu số vòng cuộn sơ cấp giảm đi 100 vòng so với lúc đầu và số vòng cuộn thứ cấp được giữ nguyên như ban đầu thì điện áp hiệu dụng ở hai đầu cuộn thứ cấp để hở là 112,5 V. Giá trị của U bằng

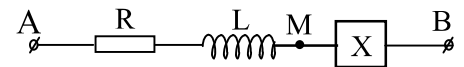
- A. 110 V.                      B. 60 V.                      C. 220 V.                      D. 90 V.

**Câu 39:** Cho mạch điện như hình vẽ bên, nguồn điện một chiều có suất điện động E không đổi và điện trở trong r, cuộn dây thuần cảm L và tụ điện có điện dung  $C = 2,5 \cdot 10^{-7} \text{ F}$ . Ban đầu khóa K mở, tụ chưa tích điện. Đóng khóa K, khi mạch ổn định thì mở khóa K. Lúc này trong mạch có dao động điện từ tự do với chu kì bằng  $\pi \cdot 10^{-6} \text{ s}$  và hiệu điện thế cực đại trên tụ bằng 2E. Giá trị của r bằng



- A. 2 Ω.                      B. 0,5 Ω.                      C. 1 Ω.                      D. 0,25 Ω.

**Câu 40:** Đặt điện áp  $u = U_0 \cos \omega t$  ( $U_0$  và  $\omega$  không đổi) vào hai đầu đoạn mạch AB như hình vẽ. Điện áp hai đầu đoạn mạch AB sớm pha  $\pi/6$  so với cường độ dòng điện trong đoạn mạch, điện áp hai đầu đoạn mạch AM lệch pha  $\pi/3$  so với cường độ dòng điện trong đoạn mạch. Tổng trở đoạn mạch AB và AM lần lượt là  $200 \Omega$  và  $100\sqrt{3} \Omega$ . Hệ số công suất của đoạn mạch X là



- A.  $\sqrt{3}/2$ .                      B. 1/2.                      C.  $\sqrt{2}/2$ .                      D. 0.

----- HẾT -----